

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 38/2021/HSST
Ngày 09-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH P TH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Phong
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021 đối với:

1. Bị cáo Đinh Thanh T, sinh năm 1988, tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu X, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ văn hoá lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Tiến L, sinh năm 1955; con bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1955. Bị cáo có vợ là Hà Thị M, sinh năm 1988 và 02 người con; con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền sự; tiền án: Không.

Nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/02/2021 đến ngày 11/02/2021 Đ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đôi khỏi nơi cư trú; hiện nay đang tại ngoại tại xã C, huyện C,

tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2. Bị cáo Trần Quang Đ, sinh năm 1983, tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu Xóm T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ văn hoá lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1962; con bà Trần Thị P, sinh năm 1963. Bị cáo có vợ là Trần Thị Thu T, sinh năm 1985 và 02 người con; con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017

Tiền sự; tiền án: Không.

Nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/02/2021 đến ngày 11/02/2021 Đ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đôi mươi nơi cư trú; hiện nay đang tại ngoại tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

3. Bị cáo Khổng Ngọc L, sinh năm 1969; tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ văn hoá lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khổng Văn Đ, sinh năm 1939; con bà Nguyễn Thị H (đã chết). Bị cáo có vợ là Hoàng Thị D, sinh năm 1972 và 02 người con; con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992

Tiền sự; tiền án: Không.

Nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/02/2021 đến ngày 11/02/2021 Đ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đôi mươi nơi cư trú; hiện nay đang tại ngoại tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

4. Bị cáo Trần Quang H, sinh năm 1984; tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu Xóm T, xã C, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Làm ruộng, trình độ văn hoá lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang Đ, sinh năm 1953; con bà Trần Thị L, sinh năm 1955. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị A, sinh năm 1988 và 03 người con; con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền sự; tiền án: Không.

Nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/02/2021 đến ngày 11/02/2021 Đ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đôi mươi nơi cư trú; hiện nay đang tại ngoại tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

5. Bị cáo Trần Văn Đ, sinh năm 1986; tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu Xóm T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ văn hoá lớp 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ không xác định; mẹ đẻ là Trần Thị Đ, sinh năm 1966; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự; tiền án: Không.

Nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/02/2021 đến ngày 11/02/2021 Đ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đôi mươi nơi cư trú; hiện nay đang tại ngoại tại xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2.3 Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Đ: Bà Bùi Thu H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 10/02/2021, Trần Quang H, Đinh Thanh T, Trần Văn Đ và Trần Quang Đ đến nhà Không Ngọc L ở khu T, xã C, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ chơi. Tại đây L, H, T, Đ và Đ đã rủ nhau đánh bạc, hình thức đánh ba cây Đ thua bằng tiền, trống cửa đặt 50.000 đồng/1 ván, tất cả đều đồng ý. Các đối tượng ngồi đánh bạc tại chiếu nhựa Đ trải sẵn tại gian bếp của nhà L, sử dụng bộ bài có sẵn của nhà L để đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Cẩm Khê phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 36 quân bài tứ lơ khơ; số tiền 43.470.000đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam và 01 chiếc chiếu nhựa.

Thu giữ tại túi áo bên trái của Trần Văn Đ số tiền 148.000đồng, thu giữ tại túi quần bên phải của Đinh Thanh T 01 ví giả da màu đen, bên trong có 8.390.000đồng; thu giữ tại túi áo bên trái của Trần Quang Đ số tiền 60.000đồng. Tại chỗ các đối tượng Đ, T và Đ đều khai nhận số tiền thu giữ ở trên không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Hình thức đánh bạc ba cây sát phạt nhau bằng tiền các đối tượng trên sử dụng là: Người chơi dùng 36 quân bài tú lơ khơ từ A đến 9. Mỗi ván người cầm chương sẽ chia cho mỗi người chơi 03 quân bài.. Sau đó người chơi cộng điểm 03 quân bài của mình (nếu tổng số điểm lớn hơn 10 thì lấy số lẻ) rồi so điểm với 03 quân bài của người cầm chương. Ai cáo điểm hơn người cầm chương thì thắng bạc và được người cầm chương trả số tiền bằng số tiền đã cược, nếu Đ 9 hoặc 10 điểm thì được trả gấp đôi số tiền đã cược, nếu thấp điểm hơn người cầm chương thì thua bạc và phải trả cho người cầm chương số tiền đã cược, nếu người cầm chương Đ 9 hoặc 10 điểm thì phải trả cho người cầm chương gấp đôi số tiền đã cược. Nếu số điểm bằng nhau thì tính đến “Chất”, cao nhất là chất rô, sau đó đến chất cơ, chất tép, cuối cùng là chất bích. Ai được 10 điểm lớn nhất thì được cầm chương và chia bài ván tiếp theo.

Khi tham gia đánh bạc L có 6.000.000đồng và H có 5.470.000đồng; L và H sử dụng toàn bộ số tiền này vào mục đích đánh bạc. Trước khi đánh bạc T có 23.390.000đồng, T sử dụng số tiền 15.000.000đồng vào mục đích đánh bạc, số tiền còn lại T cất trong ví, không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Đ có 5.148.000đồng, Đ sử dụng 5.000.000đồng vào mục đích đánh bạc, số tiền còn lại không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Đ có 12.060.000đồng, Đ sử dụng 12.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc, số tiền 60.000đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 43.470.000đồng.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau về hình thức, thủ đoạn phạm tội và phù hợp các tài liệu, chứng cứ đã thu thập Đ.

Cáo trạng số 21/CT-VKSCK ngày 28/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo: Trần Quang H, Đinh Thanh T, Trần Văn Đ, Trần Quang Đ và Khổng Ngọc L đều phạm tội: “Đánh bạc”; tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt các bị cáo phạm tội: “Đánh bạc” và đề nghị:

Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đinh Thanh T, Trần Quang Đ, Trần Quang H, Trần

Văn Đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Không Ngọc L.

Xử phạt bị cáo Đinh Thanh T và bị cáo Trần Quang Đ, mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Trần Quang H và bị cáo Trần Văn Đ, mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Không Ngọc L số tiền từ 22.000.000đồng đến 25.000.000đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Trần Quang H, Đinh Thanh T, Trần Văn Đ và Trần Quang Đ.

Xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu toàn bộ số tiền 43.470.000đồng đồng để sung quỹ nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Đ số tiền 148.000đồng; trả bị cáo Đ số tiền 60.000đồng; trả cho bị cáo T 01 ví giả da và số tiền bị thu giữ 8.390.000đồng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu 01 chiếc chiếu nhựa không còn giá trị sử dụng để tiêu hủy.

Tịch thu 36 quần bài tú lơ khơ để tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo: Trần Quang H, Đinh Thanh T, Trần Văn Đ, Trần Quang Đ và Không Ngọc L, mỗi bị cáo đều phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Đ là bà Bùi Thu Hà có quan điểm: Thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo Đ. Đề nghị Hội đồng xem xét cho bị cáo Đ áp dụng hình phạt cho tại ngoại; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tham gia tranh luận đối với bản luận tội và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:*

Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2]. *Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:*

Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã xác định Đ: Vào khoảng 15 giờ ngày 10/02/2021, tại nhà ở của Khổng Ngọc L ở khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ, các đối tượng Khổng Ngọc L, Trần Quang H, Đinh Thanh T, Trần Văn Đ và Trần Quang Đ đã có hành vi đánh bạc, hình thức đánh ba cây sát phạt nhau bằng tiền; kết quả điều tra đã xác định Đ tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 43.470.000đồng.

Như vậy, bản cáo trạng số 21/CT-VKSCK ngày 28/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo: Trần Quang H, Đinh Thanh T, Trần Văn Đ, Trần Quang Đ và Khổng Ngọc L là đúng người, đúng tội.

Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự: “*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào Đ thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa Đ xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*”.

[3]. *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:*

Cả 05 bị cáo tham gia nhưng chỉ mang tính chất đồng phạm giảm đơn, đều là vai trò thực hành; các bị cáo thực hiện lỗi cố ý; tính chất của hành vi phạm tội là ít nghiêm trọng nhưng các bị cáo xâm phạm trật tự công cộng Đ pháp luật bảo vệ, nên hành vi của các bị cáo phải bị xử lý nghiêm.

[4]. *Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:*

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo giúp việc điều tra Đ thuận lợi và tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên tất cả các bị cáo đều Đ hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Nhân thân: Tất cả các bị cáo đều có nhân thân tốt.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội; tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T; bị cáo Đ; bị cáo H và bị cáo Đ; áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo L cũng đảm bảo trừng trị, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. *Về hình phạt bổ sung:* Khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 50.000.000đồng”.

Xét thấy: Các bị cáo T, Đ, H có tài sản nên xử phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

Đối với bị cáo Đ: Hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo tại địa phương xã C, hoàn cảnh rất khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ.

[6]. *Về khấu trừ thu nhập:*

Khoảng 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự quy định: *Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà*

nước. Việc khấu trừ thu nhập Đ thực hiện hàng tháng. Trong trường hợp đặc biệt, Tòa án có thể cho miễn việc khấu trừ thu nhập, nhưng phải ghi rõ lý do trong bản án.

Xét thấy: Nghề nghiệp chính của các bị cáo là lao động tự do, không có nguồn thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[7]. Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng:

Vật chứng vụ án gồm số tiền 43.470.000đồng các bị cáo sử dụng đánh bạc phải tịch thu sung quỹ nhà nước;

Vật chứng thu giữ của Đ là 148.000đồng, thu của Đ là 60.000đồng và thu giữ của T là 8.390.000đồng. Kết quả điều tra làm rõ số tiền này các bị cáo không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho các bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng thu giữ gồm 01 ví giả da của T không liên quan hành vi phạm tội nên trả cho bị cáo.

Vật chứng thu giữ gồm 01 chiếc chiếu của gia đình Không Ngọc L nhưng chiếc chiếu không còn giá trị sử dụng, bị cáo L không nhận lại và thu giữ 36 quân bài tú lơ khơ không còn giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Không Ngọc L, Trần Quang H, Đinh Thanh T, Trần Văn Đ và Trần Quang Đ đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đinh Thanh T, Trần Quang Đ và Trần Quang H.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn Đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Không Ngọc L.

Tuyên bố các bị cáo Không Ngọc L, Trần Quang H, Đinh Thanh T, Trần

Văn Đ và Trần Quang Đ đều phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Đinh Thanh T 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ 01 ngày tạm giữ (từ ngày 10/02/2021 đến ngày 11/02/2021 quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Trần Quang Đ 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ 01 ngày tạm giữ (từ ngày 10/02/2021 đến ngày 11/02/2021 quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Trần Quang H 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ 01 ngày tạm giữ (từ ngày 10/02/2021 đến ngày 11/02/2021 quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ 01 ngày tạm giữ (từ ngày 10/02/2021 đến ngày 11/02/2021 quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Đinh Thanh T; Trần Quang Đ; Trần Quang H và Trần Văn Đ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ Đ giao để giám sát, giáo dục người bị kết án nhận Đ quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Đinh Thanh T; Trần Quang Đ; Trần Quang H và Trần Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong thời gian chấp hành hình phạt, các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ trong cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. (không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng theo quy định người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng).

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Đinh Thanh T; Trần Quang Đ; Trần Quang H và Trần Văn Đ.

Phạt bị cáo Khổng Ngọc L số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng).

Hình phạt bổ sung:

Phạt bổ sung bị cáo Đinh Thanh T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Phạt bổ sung bị cáo Trần Quang Đ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Phạt bổ sung bị cáo Trần Quang H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu để nộp ngân sách nhà nước số tiền 43.470.000đ (Bốn mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) các bị cáo sử dụng đánh bạc để sung quỹ nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Đ số tiền 148.000đ (Một trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Trả lại cho bị cáo Đ số tiền 60.000 đ (Sáu mươi nghìn đồng). Trả lại cho bị cáo T 01 Ví giả da và số tiền 8.390.000đ (Tám triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu 36 quân bài tứ lơ khơ và 01 chiếc chiếu nhựa không còn giá trị sử dụng để tiêu hủy.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo:

Buộc các bị cáo: Đinh Thanh T; Trần Quang Đ; Trần Quang H Trần Văn Đ và Khổng Ngọc L; mỗi bị cáo đều phải chịu số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt Đ quyền kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt Đ quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc bản án Đ niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Thi hành án hình sự;
- Thi hành án dân sự;
- Bị cáo;
- Lưu HS+VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hán Hưởng